

UBND THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH TƯƠNG ĐƯƠNG BẠC 2 - KHÓA 02

Kỳ kiểm tra ngày 04 tháng 05 năm 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHKTCN ngày / /2025

của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ Thuật - Công Nghệ Cần Thơ)

STT	SBD	HỌ TÊN		N. SINH	NƠI SINH	ĐIỂM MÔN NGHE	ĐIỂM MÔN ĐỌC	ĐIỂM MÔN VIẾT	ĐIỂM MÔN NÓI	KẾT QUẢ
1	A22001	Đào Quốc	Ái	18/07/2000	Hậu Giang	6.8	9.2	5.0	5.0	Đạt
2	A22002	Huỳnh Lâm Gia	Bảo	01/01/1999	Sóc Trăng	7.6	6.6	6.0	9.0	Đạt
3	A22003	Trần Chí	Bảo	19/06/2002	Vĩnh Long	10.0	9.6	1.5	5.0	Không đạt
4	A22004	Ngô Thanh	Cường	27/04/2003	Cần Thơ	9.6	7.3	6.0	5.5	Đạt
5	A22005	Trần Thị Bích	Du	30/07/2003	Cần Thơ	8.8	8.9	5.0	5.5	Đạt
6	A22006	Nguyễn Anh	Duy	04/10/2000	Cần Thơ	8.8	8.9	7.0	8.0	Đạt
7	A22007	Cao Văn	Đạt	10/03/2003	Thanh Hóa	9.2	8.6	5.0	8.5	Đạt
8	A22008	Nguyễn Hải	Đăng	17/10/2003	Cà Mau	8.8	6.6	8.0	6.0	Đạt
9	A22009	Huỳnh Ngọc	Hạnh	23/12/2003	Cần Thơ	10.0	5.6	9.0	9.0	Đạt
10	A22010	Đỗ Ngân	Hào	30/05/2003	An Giang	8.0	8.6	5.0	5.5	Đạt
11	A22011	Nguyễn Thị	Hằng	04/07/2002	Cà Mau	10.0	6.9	7.5	7.0	Đạt

12	A22012	Trương Hải Thúy	Hằng	18.08.2003	Cần Thơ	9.6	10.0	9.5	7.5	Đạt
13	A22013	Trần Phi	Hùng	02/02/1997	Cần Thơ	5.6	5.3	5.0	7.0	Đạt
14	A22014	Phan Nguyễn Ngọc	Huy	29/01/2001	Hậu Giang	7.6	8.6	6.0	8.0	Đạt
15	A22015	Trần Như	Huỳnh	19/03/2003	Cần Thơ	9.6	9.6	8.0	8.0	Đạt
16	A22016	Nguyễn Thị Mộng	Kha	16/01/2001	Bạc Liêu	8.8	9.6	8.0	5.0	Đạt
17	A22017	Võ Thanh	Khang	09/09/2002	Sóc Trăng	8.4	9.6	8.0	5.0	Đạt
18	A22018	Nguyễn Lương Tường	Khanh	26/09/2003	Sóc Trăng	8.0	6.6	7.0	7.0	Đạt
19	A22019	Lê Phạm Đăng	Khôi	24/11/2003	Cần Thơ	9.2	6.6	7.0	7.0	Đạt
20	A22020	Nguyễn Minh	Lương	02/04/2002	Cà Mau	9.6	5.6	5.0	8.0	Đạt
21	A22021	Huỳnh Thị Trúc	Mai	03/09/2002	Cần Thơ	9.2	5.0	5.0	5.5	Đạt
22	A22022	Nguyễn Hoài	Nam	21/10/2002	Bến Tre	9.6	5.6	5.0	8.0	Đạt
23	A22023	Trang Thị Trúc	Ngân	29/09/2002	Cần Thơ	7.6	7.6	5.0	5.0	Đạt
24	A22024	Hồ Ngọc Dung	Nghi	13/03/2003	Cần Thơ	6.8	10.0	5.5	7.0	Đạt
25	A22025	Trần Thị Như	Ngọc	04/10/2001	Cần Thơ	6.0	7.3	8.5	3.5	Không đạt
26	A22026	Phạm Thanh	Nhã	28/02/2001	Cần Thơ	6.8	8.6	6.0	5.0	Đạt
27	A22027	Đinh Thị Uyển	Nhi	09/09/2001	Bạc Liêu	9.2	8.6	5.0	8.0	Đạt
28	A22028	Trần Nguyễn Hồng	Phước	29/12/2003	Bến Tre	6.8	5.9	5.0	5.0	Đạt
29	A22029	Lê Thị Như	Phương	11.02.2003	Cần Thơ	9.6	5.0	5.5	5.0	Đạt
30	A22030	Lê Uyên	Phương	13/03/2001	Cần Thơ	5.2	2.7	5.0	5.0	Không đạt
31	A22031	Ngô Thanh	Quốc	27/04/2003	Cần Thơ	9.6	7.6	5.0	6.0	Đạt
32	A22032	Lê Thị Hoàng	Quyên	19/11/2000	Cần Thơ	8.8	6.6	6.5	5.0	Đạt
33	A22033	Nguyễn Thị Tô	Quyên	16/08/2002	TP. Hồ Chí Minh	10.0	8.9	8.0	8.0	Đạt

34	A22034	Vương Bửu	San	03/03/2003	Sóc Trăng	9.6	5.3	5.0	6.0	Đạt
35	A22035	Trần Như	Tài	12/10/2003	Cần Thơ	5.6	8.3	8.0	6.0	Đạt
36	A22036	Lê Duy	Thành	08/08/2003	Cần Thơ	0.8	9.3	5.5	7.5	Không đạt
37	A22037	Tổng Thái	Thành	05/01/1995	Trà Vinh	7.6	7.0	2.0	5.0	Không đạt
38	A22038	Nguyễn Phương	Thảo	19/02/2003	Thanh Hóa	8.4	8.3	5.0	6.0	Đạt
39	A22039	Trịnh Thị Thu	Thảo	27/09/2002	Cần Thơ	8.8	9.2	5.0	5.0	Đạt
40	A22040	Đình Quốc	Thịnh	20/03/2003	Bạc Liêu	6.0	9.2	7.0	9.0	Đạt
41	A22041	Châu Thị Thu	Thủy	25/11/2003	Cần Thơ	7.2	7.9	7.5	5.0	Đạt
42	A22042	Phạm Thị Anh	Thư	27/09/2001	Cần Thơ	9.6	7.3	6.3	5.0	Đạt
43	A22043	Lê Thị Ngọc	Trâm	11/12/2000	Sóc Trăng	9.2	8.6	7.0	8.0	Đạt
44	A22044	Lý Phương	Trâm	17/06/2003	Cần Thơ	7.2	8.3	5.0	8.0	Đạt
45	A22045	Đình Quế	Trân	04/05/2003	Cần Thơ	6.0	8.6	5.0	5.0	Đạt

Tổng số thí sinh đạt: 40

Tổng số thí sinh không đạt: 5

Cần Thơ, ngày tháng 05 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

NGND. PGS. TS. Huỳnh Thanh Nhã